



Các bản mo thường được diễn xướng trong các lễ nghi của dân tộc Thái (Tục làm vía của người Thái, tỉnh Thanh Hóa)

TÌM HIỂU VỀ “LAI XƯ TÀY ĐẰNG” MỘT BẢN MO THÁI QUÝ HIẾM

■ Quán Vi Miên, Nguyễn Doãn Hương (*)
Hà Thị Khuyên (**)

1. Mở đầu

Bản mo “Lai xư Tày đặng” được phát hiện từ chuyến công tác sưu tầm văn nghệ dân gian ở huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa của anh Nguyễn Doãn Hương - lúc đó là chuyên viên của Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Nghệ An năm 1997. Người Thái ở vùng đó tự gọi là người “Tày đặng” (Thái đỏ). Ở đó (không nhớ tên bản) có một bà già (gọi là bà “tày”) thuộc rất nhiều bản mo. Chính bà là người đã “khắp” (diễn xướng) bản mo “Lai xư Tày đặng” cho anh Nguyễn Doãn Hương nghe. Về sau, khi trao đổi với các ông Cầm Bá Bảo, Cầm Bá Thắng - em ruột của ông Cầm Bá Thước, nổi tiếng trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở miền núi Thanh - Nghệ, anh Nguyễn Doãn Hương đã được tiếp cận với văn bản chữ Thái cổ viết tay nội dung bản mo được các ông lưu giữ. Văn bản chữ Thái trong này không phải là chữ Thái Quý Châu (lai tay) nên lúc đó không ai dịch được nghĩa. Về sau ông Quán Vi Miên liên

hệ được với chị Hà Thị Khuyên - người miền núi Thanh Hóa, giáo viên trường Trung học phổ thông Quan Sơn, Thanh Hóa, được biết đây là chữ Thái “lai xư” của người Tày Đeng ở Thanh Hóa thì văn bản mới được dịch.

Văn bản chữ Thái này được viết trên 62 tờ giấy/vở học sinh; đóng lại và viết theo chiều ngang; ghi số trang từ số 7 đến số 69; số trang được ghi 2 lần; tức là mỗi tờ 2 mặt giấy/2 trang, lại ghi cùng 1 số trùng nhau. Vì chưa biết nội dung của văn bản thể nào, nên phải chờ dịch xong rồi mới biết ghi số trang cho hợp lý (sau khi sắp xếp, chỉnh lý lại).

Cách ghi/viết cũng giống như các văn bản chữ Thái cổ khác: ghi liên tục, không có dấu câu. Chỉ sau khi dịch, nắm được nghĩa của từ, của câu, thể loại của nó (văn vần hay văn xuôi) thì mới ngắt câu, qua dòng cho dễ “tiếp nhận”. Chị Hà Thị Khuyên, sau khi đọc qua, biết đây là thể “văn vần” (mo), nên mới tách câu/dòng, qua hàng, và biết được văn bản gồm 1.636 câu/dòng. Có một số chỗ khó xác định câu/dòng, nên xuống dòng hay là không - chị tạm thời *in nghiêng* (để ông Quán Vi Miên cân nhắc tiếp).

Vì văn bản quá cũ, giấy bị ố vàng, chữ nhòe mờ, bị mất đi một số chữ không đọc được, nên chúng tôi buộc phải để trống (ghi là bị mất bao nhiêu chữ). Tổng cộng văn bản bị mất 373 chữ và 1 dòng trọn vẹn (không biết mấy chữ). Chúng tôi đã cố gắng “phục hồi” một số chỗ, tiếc là không thể phục hồi được tất cả. Dầu sao, đọc tổng thể, ta vẫn có thể nắm được “tinh thần” của văn bản, nên văn bản này vẫn có giá trị.

2. Nội dung

2.1. Văn bản nói về Mùòng Phạ/Mùòng Bun (mùòng trời)

2.1.1. Mùòng Phạ/Mùòng Bun (mùòng trời)

Văn bản sau khi dịch xong, chúng tôi thấy nói về Mùòng Trời và Mùòng Đất, đoán rằng nó có thể là mo gọi hồn, tìm hồn. Trong văn học dân gian Thái thì thường những loại như thế này là “mo”: mo gọi hồn, chiêu hồn, tìm hồn, buộc vía, yểm lão, mừng thọ, làm lễ “buộc vía” cho người chết trong đám tang... Nhưng trước hết, ta hãy xem văn bản nói về Mùòng Trời như thế nào.

Mùòng trời ở trên cao, xa vời, mịt mù. Phải lên tận chỗ các vị thần cai quản trời đất (vũ trụ) Ý Khi - Ý Khi: “Đường lên trời thấu tới Ý Khi/ Mùòng Ý Khi - Then mùòng rộng lớn/ Chăm đủ mọi đứa con, tắm tấp vũng Khảm (vàng)/ Phía bên kia sông Kháng Khát - vũng Khảm ấy đấy!”. Kháng Khát là dòng sông ranh giới giữa Trời với Đất. Nước sông sắc lèm, chặt đứt cả sắt và đồng. Phải có “phép” thì mới qua sông được. Mùòng Trời rộng mênh mông, có nhiều người ở, có nơi vui chơi: “Rộng rãi đường về Bun (trời) thênh thang/ Người Mùòng Then “vạn, chực vạn” về tụ/ Đông rộng Mùòng Phạ (trời) chơi ném Còn, có Còn vãi tơ”. Mùòng Trời có rất nhiều con đường: “Đường lên Mùòng Nù lấm ngả/ Đường to về Chuống Chấn 9 ngàn lối/ Sáng sớm dậy chơi hoa vườn ‘vàng’ (khảm)”. Mùòng Trời chia ra nhiều phủ: “Phủ Vàng bằng phủ mùòng/ Ta hãy đi đến phủ ở giữa/ Phủ Vàng phủ Hiềng, phủ Hạt- là đó!/ Bên Bun (trời) là phủ Vàng ở giữa/ Trông uy nghi nhà lớn/ Xiểu (chủ mùòng) cũng ở với Bun (ông trời) gần gũi”. “Phủ” là một yếu tố mới đưa vào mo. Mùòng Trời là “ảnh xạ” của

Mùòng Đất, nên trên đó cũng có “phủ” vậy. Pò Phạ (ông trời), Then/Bôn là kẻ “sinh hạ” ra muôn loài. Chính các vị này đã “sinh hạ”, rồi buộc dây, thả các “mùòng” xuống đất. “Còn dây xà tích Mùòng Nhó bằng vàng ngày xưa/ Dây quăng xa đến nước Chìn Xắn (?)/ Dây đến nước Lào - dây tơ/ Dây người giặt/thả Mùòng Thái - dây vải/ Dây gai đầy trời về nước Luong Nhan (?)/ Dây “người” rớt về Tào Mùòng Púa (Kinh) - dây vàng/ Then Luong - chủ mùòng xây mới/ Dây “người” rơi về Tào Chuông/ Trông về tận Mùòng Luong, Mùòng Nao thật là sáng trong”... Nhân vật trung tâm ở Mùòng Trời tất nhiên là “ông trời” (Pò Phạ, Then/Bôn).

2.1.2. Pò Phạ/Then (ông trời)

Không phải chỉ có một ông, mà có rất nhiều “ông trời”. “Các Pò Phạ (ông trời) uống rượu với hàng vạn Khun “quan nhỏ”/ Có cả tên bản nỏ Phọt Xà Nu/ Bản tên nỏ đi trúng người Lào bản Cả/ Đầu sàn phơi toàn củi/ Vải phơi toàn “bông hoa”/ Ôn ào nơi cuộc rượu/ Quan uống rượu xúm quanh/ Quan uống rượu bắt người phục dịch”. Nhà trời rất ồn ào, khi có cuộc rượu, như nhà người thường vậy: có củi đuốc, vải phơi, vũ khí, người phục dịch. Còn bên ngoài thì đang có “Thuyền lướt tới nhà Pó (Phạ)/ Chở bạc vàng đến dâng/ Chèo thuyền đến trời với Pò Then Luong/ Trông nhà toàn thuyền đồng/ Liền chèo gấp gấp đến/ Thuyền đến đến trời với Pò Then Lò/ Thuyền lướt vào Mùòng Bun không biết có nghìn điều hại?/ Thuyền lướt vào ‘5 trời’, chẳng biết mấy nghìn ‘nhầm’?”. Công nạp bạc vàng cho ông trời trong tâm thức dân gian chẳng khác gì công nạp cho vua (chủ mùòng), là “có hại” và “nhầm” chỗ. Một đánh giá mạnh bạo, chính xác.

Hãy xem “Then Khao có 10 tướng châu - trông oai (đẹp)/ Đầu cột rộng 3 sải bề ngang/ Xà chạm khắc dát ngọc, phen dát vàng đen, chạm bạc và khắc chữ/ Khắc chạm toàn ngọc và vàng hàng ‘nghìn’ về/ Tào (chủ mùòng) chạm ngọc, mũi lạt bằng bạc trắng lóa/ Châu ngọc dát ngôi nhà lấm về/ Nhìn đẹp để nhiều cách nhiều màu”. Có khác gì cung vua, nhà lầu của phìa tào. Đến nhà ông trời, thấy “Đường cái vào nhà Khun Lù/ Nàng Ủa chân thon nơi lầu Khun Lù/ Trông cửa biết ăn ở nhà lớn/ Nhà Then ấy là nơi ăn ở/ Rửa chân rồi đem dâng đĩa tràu cau/ Rồi Khun Lù nói: “Nàng đang dệt cử, mỗi ngày mỗi dài”/ Thiên hạ mỗi ngày dệt vải tới ngày/ Có nàng Ủa bên cạnh chăm sóc/ Ở bên người tình ở bên ông Then/ Có lúc 3 tháng ròng mới đi ra bên/ Ủa đi 5 bên rồi Ủa mới về nhà/ Trông nhà, mái tóc mượt/ Sàn rộng, ngồi êm ái”. Tại sao bên cạnh nhà ông trời

(Then) lại có Khun Lù (người phiên là Khun Lú) và Nàng Ủa? Phải nhớ lại câu chuyện ngày xưa một chút. Thuở đó, Then (chúa tể trên Trời) sinh hạ được một con gái đặt tên là Cong Péng. Lớn lên, nàng xinh đẹp và thông minh hơn người. Trên Trời chẳng ai xứng làm chồng nàng. Duy nhất chỉ có Then là xứng đáng. Nhưng luật đời ai lại cha lấy con. Vì vậy, Then mới cho nàng xuống trần gian làm người, hẹn 23 năm sau thì trở về Trời. Dưới trần gian khi đó có một ông phìa (thủ lĩnh mừng) quyền uy, khá giả, sinh được hai cô con gái đặt tên là Cầm Xôm và Ngân Liêng. Cầm Xôm và Ngân Liêng được cha cho sống trên một ngôi lầu sang trọng. Càng lớn lên, hai chị em càng xinh đẹp. Một hôm, trời nắng nóng, hai chị em ra sông tắm. Làn da trắng trẻo và thân hình quyến rũ của hai cô đã khiến Then phải xiêu lòng và chọn làm người đầu thai cho nàng Cong Péng. Nàng Cong Péng xuống bên sông nọ, biến thành một quả sung chín mọng và thơm phức. Hai cô Cầm Xôm và Ngân Liêng ra sông tắm. Bỗng thấy mùi thơm kỳ lạ, rồi một quả sung chín đỏ trôi đến. Hai chị em vớt lấy và chia nhau ăn. Từ đó cả hai chị em đều mang thai mặc dù chưa hề chung sống cùng ai cả. Hai cô rất đau buồn và hổ thẹn. Thế rồi cha mẹ cũng tìm được chồng cho hai cô con gái. Chồng Cầm Xôm là Khun Páng và chồng Ngân Liêng là Bái Vương. Chín tháng trôi qua, cô chị sinh được chàng Khun Lú, cô em sinh được Nàng Ủa. Càng lớn lên Khun Lú và Nàng Ủa càng thân thiết, rồi yêu thương nhau tưởng chừng không gì có thể chia cắt được. Nhưng vì chàng và nàng là con chị con em, nên gia đình đã ngăn cản mối tình đó. Ông phìa cho Bái Vương cùng vợ con về quê sinh sống. Thế là nàng phải xa cách chàng. Sự xa cách đó không ngăn cản được mối tình của Lú và Ủa. Họ nhớ thương nhau da diết và tìm cơ để đến thăm nhau. Mỗi lần gặp nhau, họ luôn quấn quít bên nhau, trao cho nhau những tình cảm nồng ấm, thề hẹn cùng nhau quyết thành vợ thành chồng. Nhưng Bái Vương đã nhận gả Ủa cho Khun Trai, rồi gia đình Lú cũng

ép chàng phải lấy nàng Méng. Sự ép duyên đó đã làm cho chàng và nàng vô cùng đau khổ. Họ khóc than, cầu cứu nhưng vô vọng. Cuối cùng, họ đã phải nghĩ đến cái chết để linh hồn sẽ gặp nhau ở Mường Trời. Nàng Ủa trốn vào rừng sâu, được cây tùng bách đưa lên ngọn để thắt cổ tự vẫn. Theo sự mách bảo của bầy quạ, gia đình đã tìm được xác nàng đem về mai táng. Chàng Khun Lú đã mang trâu đến để lo liệu đám tang chu đáo cho nàng. Trong lời khóc than, chàng đã hẹn với nàng hãy chờ đợi chàng, chớ vội sánh cùng ai trên cõi trời cao. Vì vậy, hồn nàng vẫn chưa lên trời ngay mà vẫn quanh quẩn nơi cõi trần chờ chàng. Cũng từ đó Khun Lú luôn buồn phiền sâu đau, đi tắm cũng thấy Ủa bên cạnh, soi gương cũng thấy Ủa kề bên. Nàng Méng và gia đình sợ chàng tự tử nên luôn để ý đến chàng. Khi đánh lừa được nàng Méng quay đi, chàng đã lấy dao cắt cổ tự tử. Cả gia đình hối hận, thương tiếc. Gia đình mổ trâu đực to để làm lễ tiễn chàng lên trời. Hồn Khun Lú vội vàng ăn cỗ qua loa để nhanh được đi gặp nàng Ủa nên quên không gọi hồn nàng cùng ăn. Hồn Nàng Ủa thấy tủi thân “*Ủa dùng bữa gà còn mời chàng, có sao Lú ăn trâu cỗ không mời hồn Ủa, có sao?*”. Thế là hồn Ủa xăm xăm lên trời trước, mặc cho hồn Lú vừa gọi, vừa than vãn theo sau. Một hồn Ủa biến thành ngôi sao, hồn Lú đến sau cũng biến thành ngôi sao ngay cạnh. Nhưng vì đang lúc bực nên Ủa không nhận Lú là chồng nên ông trời đã chặn một bức phen ngăn cách, nên hai ngôi sao Khun Lú, Nàng Ủa tuy rất gần nhau nhưng mãi mãi không bao giờ gặp nhau. Một hồn nữa của Ủa đã đến gặp Then như đã hẹn 23 năm trước. Then liền lấy Ủa làm vợ. Hồn Lú đến sau thì mọi sự đã rồi. Biết được Lú và Ủa đã từng thương yêu nhau, thân thiết như vợ chồng, Then thấy thương tình nên đã cho hồn Lú đến với các tiên nữ tại cung đình và sẽ gả cho chàng người nào chàng yêu thích nhất. Nhưng bao nhiêu tiên nữ xinh đẹp, chàng vẫn cảm thấy vô vị. Trong tim chàng chỉ có mỗi Nàng Ủa. Chàng chấp nhận sống tại đây để thi thoảng còn được ngắm nhìn Ủa mỗi khi nàng ra vườn hoa chơi.

Ông trời - thực chất là hình tượng vua chúa. Trong nhà ông trời, từ “*Đầu sàn ra mút sạp/ Bọc bạc vàng trông đẹp/ Trắng lấp lóa “sao sa” ánh bạc/ Gấp 3 lần “sao sa” như vậy cũng có/ Người lấy tơ, lấy trâu cũng có/ Người dắt lấy voi cũng có/ Các con Pỏ Phạ 5 cục bạc cũng có/ Các con Pỏ Phạ mang cục vàng cũng có.../ Máng gạo đựng toàn bạc vàng/ Các sàn ván giường vàng/ Các sàn ván Pỏ Phạ 18 giường vàng/*

*Lầu vàng Then ra ngắm trông mừng/ Phải ngày nóng
Then ra nghỉ ngơi/ Có từng đàn nàng gái đi theo cùng-
700 (nàng)/ Họ mặc áo lụa vàng-trắng trông đẹp/ Họ
mặc áo viền (chỉ) vàng -đen nhánh/ Áo thêu hình cá
chạch (chỉ) vàng lượn tụ/ Tay đeo 3 vòng vàng/ Trông
đẹp tựa “như rồng” - trông đẹp”. Không thể kể xiết
sự giàu có của ông vua to nhất trời! Ngay đến các trạm
dịch bên đường đến nhà trời cũng ăn bằng “bát bạc,
bát vàng”... Nhưng ta hãy nói tiếp đến hai ngọn núi
nổi tiếng ở Mường Trời, nó cho ta biết lý do vì sao có
bản mo nói về Mường Trời này.*

2.1.3. Pha Bun, Pha Dua (núi ở Mường Trời)

Ở Mường Trời có hai ngọn núi nổi tiếng: Pha Bun và Pha Dua. Trước hết nói về ngọn Pha Bun. “Pha” là “núi đá”, người miền Trung gọi là “lèn”. “Pha” khác với “Pu” là “núi đất”. “Bun” là “phúc khước”, “phúc lộc”. Trên ngọn núi này có cây chuối vàng, mọc bẹ vàng, ra bắp chuối vàng. Hằng năm, cây ra bắp, rụng bẹ. Ai nhặt được thì “gánh của về”, tức là trở nên giàu có. “Đi đến nơi bắp chuối bạc, chuối vàng nhà Then ta rồi!/ Sáng tinh mơ rơi bẹ chuối to/ Bẹ chuối dài ba sải chiều rộng/ Bẹ chuối để Mường Hồng là của nàng chị”... Trên núi cũng có chim én vàng. Ai bắt được chim én thì “tốt duyên”, sẽ gặp được người yêu. Người ta treo một cái công Tom ở trên núi, ai ném trúng nụ công thì sẽ có người tình. Vì vậy, người ta đua nhau hái quả Hủ, quả Xá gần đó để ném công. “Người ta hái quả sung ném qua/ Bứt quả Xá ném công/ Ném lên Mường Phạ (trời) cho trúng công Tom/ Máy ông quan toàn ném trật một bên/ Ném bà góa thì ném qua đầu”... Trai thanh, gái lịch đua nhau lên núi Pha Bun chơi, nhảy sạp, đánh công, kéo co... Họ lên núi để “câu duyên, câu số, câu phúc”. Tuổi thanh xuân ai cũng ước được một lần lên chơi núi Pha Bun. Nhưng núi ở Mường Trời làm sao mà lên được? Đành phải làm một cái lễ và mời thầy mo nhập thần, dẫn “hồn” đi. Nhân vật chính của chúng ta là “nàng”. Nàng lên núi Pha Bun và thấy “Trai Mường Trời dưng lược/ Quả Còn bay lên trời tỏa sáng như sao/ Nàng cũng giơ tay lên quả đầu bắt lấy quả Còn hoa/ Quả Còn bay qua hết gầm trời về với tay nàng.../ Nàng bắt lấy quả Còn, để rơi xuống đất/ Quả Còn đó để rớt khỏi tay/ Rơi xuống đất, trai Mường Bun (trời) ‘ói hôi’ cười thích/ Ném quả Còn lên tận trời, rơi đi đâu mất rồi?.../ Quả Còn nàng, quả Còn dây vàng dây bạc/ Xin về làm gối người tình, của biếu tặng, quả Còn nàng ấy!/ Quả Còn nàng, quả Còn dây hoa/ Ai không bắt được, ‘có lòng’ xin hãy giúp với nhé!/ Quả Còn hoa em bay mất”...

Núi Pha Bun hấp dẫn, mời gọi. Nhưng để lên đến đó thì phải đi qua “cửa ải” núi Pha Dua. Núi này nhiều hang động lóng lánh, nhiều ngã đường cắt/giao nhau rất dễ bị lạc. Và bất ngờ là ở các ngã ba, ngã bảy có nhiều cô gái đẹp, nhiều chàng trai khéo mời chào. Họ sẽ quyến rũ người đi đường, làm cho họ quên đường lên núi Pha Bun, bị lạc trong các hang đá và chết. Đối lập với núi Pha Bun là núi tình duyên, hạnh phúc, thì núi Pha Dua ngược lại là núi bất hạnh. Cầu mong cho mọi người không bị lạc ở ngọn núi này. Đó là văn bản nói về Mường Trời. Còn Mường Đất thì sao?

2.2. Văn bản nói về Mường Piêng/Mường Đin (mường đất)

2.2.1. Mường Piêng/Mường Đin (mường đất)

Văn bản nhắc đến thời kỳ nước Lào cổ đại “*Xam Xen Tày là ‘nổi nghiệp’ nhà Chương không đit/ Người ta nói trạm dịch to Khun Chương cột voi/ Trạm dịch rộng, Tào lên/ Trông nhà chỉ có Ai Quang quân quân/ Phần nhiều quân đeo vòng, cầm chạc/ Về trông nhà toàn người của họ/ 9 triệu, 80 vạn lính cầm giáo/ 40 vạn là những cung thủ/ Đánh vang lên trống trận - trống út/ Vào trời toàn tiếng réo tên bay/ Âm âm reo cùng tiếng Chương thét/ Quân kéo lên Mường Phạ khắp đất Tum Vàng/ Nghe núi rung, đất lở toi bờ”... Có “Chùa Con trên Mường Nưa người ta làm lâu rồi/ Chùa Phật nào cũng có ‘em gái’ chăm”... Bản mường trải rộng: “Trông vời chủ Mường Xại người tiền đưa chân/ Trông vời người Chiềng Khăm người tiền đưa vào/ Chủ phủ Hạt có người về thay/ Trông vời Péo Ú và Péo Khong mù mịt/ Nước chảy dưới đất Tào, suối Xo, Là/ Tào quản Mường Hung cùng Chiềng Cọ, Xốp Ét là đất Tào/ Đất Tào cả Chiềng Nưa, Mường Vè/ Phía dưới cả Mường Nưa ấy đấy!/ Trông vời Mường Phuôn của chủ/ Cùng vời cả Mường Xo.../ Thành lạnh bên chùa Phật nơi Phá Lạt”... Rồi nhìn sang đất Lào: “*Khi xấu dăng về phía đất Lào/ Ấy là thành Viêng Chăn rộng lớn/ Trời sắp đặt ở bên đất Lào xuống bến Nặm Khong*”. Rồi lại về Tây Bắc: “*Còn đi đến Nặm Tào (sông Thao)**

thác đổ ào ạt/ Trông vời tận Nậm Tề lũ đục ùn ùn/ Trông vời dòng Nậm Mạ đến tận Mường Then (mường Thanh)". Rồi vào Thanh Hóa: "Dòng Nậm Xăm (sông Chu) lũ chảy băng băng nhiều ngả".../ Qua đó đến Mường Xăm có ruộng hai bên/ Phía bên ấy là đồng Xăm mênh mông/ Phía bên dưới suối Huổi Xăm và ruộng/ Phía bên trên ở giữa suối Huổi Lầu chảy ra/ Nước chảy mạnh vào ruộng Na Mái"... Rồi vào đến Nghệ An: "Mường phai (đập) nhỏ về Chà Lè giáp nơi Pha Tì/ Đất Pù Hiêng người ta nói có Mo/ Mường Khoáng nhìn "đen" mây mù/ Phía dưới nhà Mường Mùn, Mường Miếng giữa bản/ Thăm thú rồi lại đến Chiềng Phán chơi/ Đường về Đón Cón - Mường Mùn là đất 'chị'/ Đi qua rồi đến Mường Chòn cũng có đường to/ Qua đó rồi lại đến Bản Cắng hoa nở/ Phía dưới ấy Bản Đăm giữa ruộng/ Chà Lè rộng 'đất dài trời thấp'/ Đứng là đàng ấy là bản quê Nàng Ủa thật đấy/ Gái xuống ném Còn ruộng Nà Lặng - nàng trông/ Gái ném Còn ruộng Nà May nàng quản/ Gửi 'của' về cho Chiềng Khảm cùng lời hỏi thăm/ Giờ nước dâng ngập lụt Mường Con/ Sẽ cùng về xây mường Phá Lón/ Đầu mường có mỏ bạc mỏ vàng, bến sông nước rộng/ Cùng núi đá dựng bên ao Púa (vua) mênh mông nhìn hút tâm mắt/ Mỏ bạc ấy ở nơi chân Viêng (thành)/ Trong chiềng (mường) ấy trâu cau chăm trồng/ Bao bông Hôi gái hái kết vòng dâng chủ"... Cuối cùng lại trở qua đất Lào: "Cụm bông sen nở ruộng Phá Lạt đẹp tươi/ Đó là mường lớn đất Lào trông đẹp/ Từ đó đến nơi đồng Piêng Bua/ Qua ngọn suối Mán ruộng nhỏ đến nước Tù hùng mạnh là đó!/ Đường cái bên này qua 9 núi là tới nước vua Thái/ Quanh quanh đi mãi miết cũng đã đến tháng 5/ Xuống bản Tào Mường Mọt uống rượu chum sành/ Xuống phía Mường Chèng rộng lớn/ Xiêng Chụ, Xiêng Đu có nhiều người đến ở/ Ông Khun ấy ở Mường Chè tươi đẹp/ 3 mo Mường Chè gà thiên - nàng biết/ Mường Ngòn nhiều gà chọi cũng có nàng chăm/ Mường Bó nơi lắm ruộng - đã có nàng lo/ Mường Nàng nơi nhiều Tào - nàng liệu/ Mường Xà Lào thêm đất cho vua - nàng

hay/ Mường Tuồng đi xa bước mỗi một/ Còn về Tào bến Lý bán muối/ Còn về Tào Chiềng Nưa bắt cá/ Trông nhà Mường Xía có bến Tà Hin trên cao, có núi Pù Mìn, Phá Dả/ Sẵn tiếp sẵn ngồi Khuống đốt lửa/ Thương người Nghia, người Lào tranh nhau/ Đi về phía dưới là đến Mường Khản/ Phía dưới đó là Mường Cấn đất đỏ/ Nghe đánh chiềng thấy vui trong lòng/ Đó là dưới Mường Hinh rồi"...

Giới thiệu mường là giới thiệu sản vật, đặc điểm của mường đó.

Văn bản không chỉ nói về "đất Thái", "người Thái" (bao gồm từ Nam Trung Hoa đến Đông Nam Á lục địa), trong văn bản này từ xưa đã nói đến các tộc người, các vùng đất anh em.

2.2.2. Nói về các tộc người xung quanh người Thái

Theo văn bản: "Mường Pân đất ruộng giáp đất Thái nàng chăm/ Đất Lào ba vùng liền ruộng.../ Trông người Xá tà áo ướt sương.../ Người Xá gấu áo ướt đầm máu/ Người Xá chết mình nâu - nàng biết/ Người Xá chết chia lia - nàng hay/ Người Thái chết, nằm dài - nàng lo/ Đàn bà Xá chết rồi, người ta hái quả quýt (?).../ Ông Xá liếc bên trái mắt đã thèm thườn/ Người Xá coi xích gần bên - nàng dõi.../ Khiêng nôi vạc nhà Trời phải '60 vạn' (người)/ Người Xá đứng ngang cổ (nôi) - cũng có/ Người Xá đứng ngang háng - cũng có.../ Người Xá đứng ngang háng thấp đuốc đi lại trông nhà/ Người Xá thấy gói to đem nướng/ Người Xá thấy gói (cá) tranh lấy/ Gạt sạch tro cầm tay/ Gạt sạch tất cả tro lửa". Còn người Kinh thì: "Người Kinh gói (vàng) trong khăn". Người Thái thì: "Người Thái có của - cũng có nàng chăm (trông coi)/ Tất cả ngồi yên, giầu (vàng) kín đáo/ Người Xá Là Luông cả '20' (tất cả) trông đẹp". Cuối cùng, định vị khoảng cách: "Đất Keo (Kinh) ở cách nhiều mường, 5 suối". Cùng với người Thái - Việt Nam còn có người Xá, người Kinh, người Lào, người Thái - Thái Lan được nói đến trong văn bản cổ này. Ngoài ra, văn bản cũng nói về những vùng đất lạ. "Lạ" ở đây là do có những tộc người "ngoài Thái" nghe tên chưa quen lắm.

2.2.3. Những vùng đất lạ

Đầu tiên nói về vùng Tây Bắc: "Phía đầu nguồn ăn bữa tối người Xá Cầu cũng có/ Trông mường đầu nguồn đẹp ao Nong Xe/ Nước Chín Tùn và nước Chín Tềng vợ chồng sánh nhau/ Trông mường toàn người Keo Dong/ Nước Chín Tùn và nước Chín Tềng giáp giới.../ Nước Chín Khoèng đường đẹp trời sáng/ Ấy là đất cạnh Mường Keo (Kinh) rộng lớn/ Trời sắp đặt nửa người Lào sinh tụ/ Lầu đẹp chủ nước ấy mường

lớn vua Nhổng/ Chủ nước ấy vua lớn Púa Làng/ Nước Chin Tù ấy đấy". Người Xá Cầu là người nói ngôn ngữ Môn - Khơ Me, ở Tây Bắc nước ta có. Người Keo Dong hay Keo De, nói ngôn ngữ Việt - Mường cổ, ở Tây Bắc hay miền Tây Thanh - Nghệ nước ta. Còn vua "Púa Làng" thì có lẽ chỉ vua của người nói ngôn ngữ Việt - Mường cổ? (Ngày xưa người ta gọi người Thổ là "Nhà làng"). Mường Keo là chỉ người Kinh, mường Lào chỉ người Lào, thì rõ rồi. Chỉ có nước "Chin Tùn - Chin Tềng", hay là "vua Nhổng" là chưa rõ được. Vào thời văn bản này ra đời, có lẽ đã trên dưới 1.000 năm, vì có nói đến thời tiền quốc gia trong lịch sử người Thái ở Nam Trung Hoa và Đông Nam Á lục địa (với sự kiện Khun Chương mở đất ở trên), thì có các "nước" (mường, tiểu quốc), các "vua" (chủ mường, phía tạo) này. Còn bây giờ thì nó đã mất đi.

Tóm lại, văn bản nói về Mường Trời, Mường Đất, có nhiều địa danh, sản vật, nhân vật cụ thể, tiêu biểu, giúp chúng ta hiểu rõ "thế giới thực và ảo" mà "hồn vía" đã đi qua. Nhưng đây không phải là một cuộc "du ngoạn" tình cờ của "hồn vía" mà phải có nguyên nhân của nó. Điều này sẽ được nói tới trong phần kết luận dưới đây.

3. Kết luận

Trước hết, nói qua về "hồn vía". "Hồn vía" người Thái gọi là "khoăn" hoặc "văn" (có người phiên là "khoăn", "văn"). Khi Then "đúc" ra người ở Mường Trời thì cũng "thổi" vào cho người đó phần "hồn vía" rồi mới trao đứa con cho người mẹ. Người mẹ bồng con đến "vườn trời", "ao trời" để biết được cây chuối nào, con cá nào mà hồn vía con mình "ngụ". Rồi người mẹ mới rời Mường Trời xuống Mường Đất, mang thai, sinh con. Lớn lên, nhớ quê hương Mường Trời, người ta thường tưởng tượng về nó, ước ao được lên đó. Lại nghe nói trên đó có núi Pha Bun, Pha Dua, thì lại càng muốn lên. Họ tổ chức lễ cầu duyên, nhờ thầy mo đưa hồn đi chơi, thử duyên số... Như trên đã nói, có người gặp may, có người không. Người không gặp may thì hồn bị thất lạc, người bị ốm, có khi chết. Hãy nghe "nàng" nói chuyện với chàng trai nhà trời: "*Chẳng lẽ hồn vía chàng lại lạc?/ Em cũng lạc về cánh rừng ma/ Nàng cũng từng lạc lên Bun (trời) người ta*". Nàng thanh mình: "*Em cũng chỉ lên Mường Bun chơi Còn*". Vậy là nàng lên Mường Trời chơi ném Còn và bị lạc. Nhân vật trong văn bản của chúng ta được gọi là "nàng" có thể là đang tuổi thanh xuân (chết trẻ), cũng có thể đã già, chết vì tuổi cao mà thôi, nhưng vẫn được gọi là "nàng" là để nhắc lại thời con gái xinh đẹp. Văn bản cũng nói: "*Mo Luông gọi hãy về/ Mo Luông kêu*

hãy lại". Đúng đây là bản mo "gọi hồn, chiêu hồn, tìm hồn vía, buộc vía" trong nghi lễ về "hồn vía" của người Thái. Mo cũng thường đọc bài này trong lễ yếm lão, lễ "buộc vía" cho người chết (ở trong đám tang).

Ngoài ra, văn bản cũng cho biết: "*Véo von tiếng sáo ngân đầu mường/ Góp phần khấy động hội lễ Mường Mùn*" (hội cúng mường). Hay: "*Trời sắp đặt mở việc cúng vía/ Làm chùng ấy Mường La cũng đã tốn sức*" (cúng hồn vía cho người già). Hoặc: "*Xuống núi rừng ăn Tết hoa Ma/ Khấp trời mở hội ăn Pang Chá như mọi lần*" (Hội chá chiêm/năm mới/hội cúng mường). Đến đây thì ta đã có thể hiểu rõ tại sao lại có "văn bản" mo này. Đây chính là bài mo "gọi hồn, chiêu hồn, tìm hồn vía" của người Thái, được diễn xướng trong các dịp "buộc vía" cho người già, người chết, cúng trong lễ hội "cúng mường" đầu năm. Tuy nhiên, bản mo này không đơn giản chỉ là một bài cúng mà còn là một "bách khoa toàn thư về người Thái" như các nhà nghiên cứu đã nhận định về Mo Thái nói chung. Trong nó và dựa vào nó, người ta có thể tìm hiểu về lịch sử, địa lý, phong tục tập quán, ngôn ngữ... về người Thái ở Việt Nam và trong khu vực. Cuối cùng, bài mo này cũng hé lộ một số chi tiết cho biết "tuổi" của nó xấp xỉ trên dưới 1.000 năm. Đúng là chúng tôi đã "phát hiện" được một "văn bản chữ Thái cổ" quý hiếm./.

Chú thích:

(*) *Hội viên Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam*

(**) *Hội viên Hội Thái học Việt Nam*

Tài liệu tham khảo

1. Quán Vi Miên (sưu tầm và dịch), *Đi tìm vía khắp mường* (viết tay).

2. Quán Vi Miên (chủ biên), Nguyễn Doãn Hương, Hà Thị Khuyên, *Phát hiện một văn bản chữ Thái cổ "Lai xu Tày Đeng"*, 200 trang (96 trang vi tính và 104 trang chữ Thái).

3. Vương Trung (sưu tầm và dịch), *Páo khuôn mường pha/ Chiêu hồn mường trời và Páo khuôn mường lum/ Chiêu hồn mường đất* (viết tay).